

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà **Diệp Thị H**, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: **TDP G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

Bị đơn: Ông **Hoàng Quốc H1**, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: **TDP G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Diệp Thị H** và ông **Hoàng Quốc H1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Diệp Thị H** và ông **Hoàng Quốc H1** nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà **Diệp Thị H** trực tiếp nuôi con là **Hoàng Thu H2**, sinh ngày 16/4/2011 và **Hoàng Thu H3**, sinh ngày 25/6/2019 cho

đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông **Hoàng Quốc H1** có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận ông **Hoàng Quốc H1** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà **Diệp Thị H** mỗi tháng **1.000.000 đồng** (một triệu đồng) cho mỗi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Việc thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357 BLDS. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Con **Hoàng Thu H4**, sinh ngày 05/5/2006, đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có.

- Công nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

- Về án phí: Bà **Diệp Thị H** tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ngày 08/5/2024, biên lai thu số 0007164.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- UBND TT H;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Hữu Như

